

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD23B3
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

ST T	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)	Soạn thảo văn bản(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Kỹ năng mềm(2)	Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353403023631	Ngô Minh	Châu	27/02/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
02	2353403023632	Trần Thị Ngọc	Diễm	07/07/2005	9.9	9.4	8.9	8.0	9.2	6.5	7.6	6.7	9.1	7.8	Khá
03	2353403023633	Trần Thị Trúc	Hà	20/06/2007	3.0	2.6	5.6	3.6	3.1	2.9	2.8	3.2	3.0	3.3	Yếu
04	2353403023634	Nguyễn Văn	Hoà	07/05/2008	7.4	6.8	6.3	7.6	8.6	3.5	5.5	7.5	5.6	6.2	Trung bình
05	2353403023635	Thái Gia	Kỳ	30/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
06	2353403023636	Đoàn Trần Kim	Ngọc	17/03/2007	2.2	5.8	6.7	8.3	8.1	5.7	5.9	5.9	4.8	6.4	Trung bình
07	2353403023637	Chung Thuận	Phát	02/03/2007	8.1	7.0	6.5	7.4	8.5	7.1	6.7	7.7	7.1	7.3	Khá
08	2353403023638	Trương Kim Khánh	Phương	14/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
09	2353403023639	Hồ Nguyệt	Quế	05/10/2008	8.7	8.2	5.2	7.9	8.8	8.0	8.2	6.6	7.1	7.6	Khá
10	2353403023640	Nguyễn Diệp Trúc	Sơn	24/09/2006	8.0	5.8	5.4	7.7	8.5	5.8	6.3	7.8	5.6	6.8	Trung bình
11	2353403023641	Lê Trọng	Tuấn	27/08/2008	3.9	6.8	6.3	8.7	8.6	6.2	5.1	7.6	6.6	7.0	Khá
12	2353403023642	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	06/12/2008	7.6	6.0	7.6	7.9	8.5	5.7	6.9	6.5	7.1	7.0	Khá
13	2353403023643	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	04/10/2008	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.7	0.0	0.0	0.4	Yếu
14	2353403023644	Hồ Minh	Tường	04/02/2008	7.8	9.0	7.6	8.5	8.2	5.6	6.6	6.9	7.6	7.1	Khá
15	2353403023645	Trần Thị Thúy	Vi	21/02/2008	7.8	6.8	4.7	2.4	6.7	8.7	7.0	5.6	7.4	6.4	Trung bình
16	2353403023646	Võ Thị Tường	Vi	26/03/2008	8.9	7.3	6.1	7.1	8.5	7.5	6.8	6.5	9.0	7.5	Khá
17	2353403023647	Nguyễn Trường	Vũ	30/04/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
18	2353403023648	Lê Thị Thúy	Vy	03/11/2008	7.0	5.6	5.5	7.6	7.5	7.3	7.3	6.7	7.6	7.2	Khá
19	2353403023649	Nguyễn Triệu	Vy	08/10/2008	7.8	6.9	7.1	7.2	8.2	9.0	5.7	7.2	8.2	7.7	Khá
20	2353403023650	Phan Thị Triệu	Vy	26/04/2008	2.2	0.0	0.0	0.0	1.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu
21	2353403023651	Trương Huỳnh Thảo	Vy	10/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	0.2	Yếu

ST T	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1) Giáo dục QP - An ninh(2) Pháp luật(1) Kinh tế học vi mô(2) Soạn thảo văn bản(2) Lý thuyết tài chính tiền tệ(3) Kỹ năng mềm(2) Marketing(2) Giáo dục Chính trị(2) Điểm TB										Xếp loại
22	2353403023652	Tô Thị Như	Ý	15/12/2008	7.9	6.2	5.5	7.9	8.4	6.8	6.4	7.2	7.9	7.3	Khá
23	2353403023653	Trương Thị Như	Ý	24/12/2008	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
24	2353403023654	Nguyễn Phạm Bình	Yên	14/04/2008	2.6	6.2	4.4	6.8	6.9	6.9	5.5	6.7	3.7	6.0	Trung bình
25	2353403023655	Bùi Kim	Yến	19/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
26	2353403025250	Trần Ngô Yến	Trình	07/02/2008	8.8	6.4	5.8	7.6	8.4	7.0	5.2	6.0	7.0	6.8	Trung bình
27	2353403025268	Nguyễn Văn	Triết	16/09/2008	8.0	7.0	7.1	8.1	8.2	9.0	5.9	7.0	6.9	7.6	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái